

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017-2018

Khoa: Công nghệ Cơ khí

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)			
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém					
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
Cao đẳng																							
Ngành: Cơ điện																							
1	15CD-CD1	53		10	43	0	0.00	0	0.00	4	7.55	38	71.70	8	15.09	1	1.89	2	3.77	0			
2	16CD-CD1	14		4	10	0	0.00	0	0.00	4	28.57	8	57.14	2	14.29	0	0.00	0	0.00	5			
CỘNG 02 Lớp		67	0	14	53	0	0.00	0	0.00	8	11.94	46	68.66	10	14.93	1	1.49	2	2.99	5			
Ngành: Cơ điện tử																							
1	15CD-CĐT1	50	1	11	39	2	4.00	3	6.00	7	14.00	30	60.00	7	14.00	1	2.00	0	0.00	1			
2	16CD-CĐT1	17		4	13	0	0.00	0	0.00	0	0.00	6	35.29	7	41.18	3	17.65	1	5.88	5			
CỘNG 02 Lớp		67	1	15	52	2	2.99	3	4.48	7	10.45	36	53.73	14	20.90	4	5.97	1	1.49	6			
Ngành: Kỹ thuật Bảo trì và sửa chữa máy CNC																							
1	16CD-CNC1	18		10	8	0	0.00	2	11.11	0	0.00	7	38.89	8	44.44	1	5.56	0	0.00	2			
CỘNG 01 Lớp		18	0	10	8	0	0.00	2	11.11	0	0.00	7	38.89	8	44.44	1	5.56	0	0.00	2			
Ngành: Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp																							
1	17C1-BCN1	37		5	32	0	0.00	1	2.70	5	13.51	16	43.24	14	37.84	0	0.00	1	2.70	7			
CỘNG 01 Lớp		37	0	5	32	0	0.00	1	2.70	5	13.51	16	43.24	14	37.84	0	0.00	1	2.70	7			
Ngành: Cắt gọt kim loại																							
1	17C1-CKL1	12		1	11	0	0.00	2	16.67	5	41.67	4	33.33	0	0.00	1	8.33	0	0.00	9			
CỘNG 01 Lớp		12	0	1	11	0	0.00	2	16.67	5	41.67	4	33.33	0	0.00	1	8.33	0	0.00	9			

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)				
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém						
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%					
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí																								
1	17C1-CCK1	45	1	24	21	0	0.00	0	0.00	7	15.56	23	51.11	14	31.11	0	0.00	1	2.22	15				
2	17C1-CCK2	46	1	22	24	0	0.00	0	0.00	40	86.96	6	13.04	0	0.00	0	0.00	0	0.00	18				
3	17C1-CCK3	56		11	45	0	0.00	5	8.93	26	46.43	12	21.43	6	10.71	1	1.79	6	10.71	6				
4	17C1-CCK4	52	2	6	46	0	0.00	3	5.77	9	17.31	24	46.15	15	28.85	1	1.92	0	0.00	9				
5	17C1-CCK5	59		15	44	0	0.00	7	11.86	40	67.80	10	16.95	0	0.00	1	1.69	1	1.69	1				
6	17C1-CCK6	50		10	40	0	0.00	0	0.00	7	14.00	23	46.00	18	36.00	0	0.00	2	4.00	9				
7	17C1-CCK7	54		11	43	0	0.00	22	40.74	25	46.30	2	3.70	3	5.56	2	3.70	0	0.00	5				
8	17C1-CCK8	50		11	39	0	0.00	0	0.00	7	14.00	23	46.00	20	40.00	0	0.00	0	0.00	8				
9	17C1-CCK9	42		8	34	0	0.00	1	2.38	6	14.29	14	33.33	21	50.00	0	0.00	0	0.00	17				
CỘNG 09 Lớp		454	4	118	336	0	0.00	38	8.37	167	36.78	137	30.18	97	21.37	5	1.10	10	2.20	88				
Ngành: Công nghệ chế tạo máy																								
1	15CD-CTM1	48		9	39	0	0.00	1	2.08	2	4.17	17	35.42	22	45.83	5	10.42	1	2.08	0				
2	15CD-CTM2	49		13	36	0	0.00	3	6.12	1	2.04	6	12.24	22	44.90	9	18.37	8	16.33	4				
3	15CD-CTM3	52	1	15	37	0	0.00	0	0.00	2	3.85	21	40.38	28	53.85	1	1.92	0	0.00	0				
4	15CD-CTM4	49		12	37	0	0.00	0	0.00	3	6.12	19	38.78	23	46.94	3	6.12	1	2.04	7				
5	15CD-CTM5	41		10	31	0	0.00	3	7.32	2	4.88	8	19.51	21	51.22	6	14.63	1	2.44	1				
6	16CD-CTM1	64		25	39	0	0.00	0	0.00	3	4.69	21	32.81	35	54.69	5	7.81	0	0.00	1				
7	16CD-CTM2	43		12	31	0	0.00	1	2.33	2	4.65	17	39.53	22	51.16	1	2.33	0	0.00	7				
8	16CD-CTM3	58		13	45	1	1.72	1	1.72	3	5.17	11	18.97	35	60.34	7	12.07	0	0.00	6				
9	16CD-CTM4	61		22	39	0	0.00	0	0.00	2	3.28	23	37.70	31	50.82	5	8.20	0	0.00	3				
10	16CD-CTM5	64	1	28	36	0	0.00	0	0.00	6	9.38	13	20.31	17	26.56	20	31.25	8	12.50	0				
11	17C1-CTM1	44		11	33	0	0.00	1	2.27	9	20.45	24	54.55	10	22.73	0	0.00	0	0.00	12				
12	17C1-CTM2	47		8	39	0	0.00	4	8.51	24	51.06	12	25.53	0	0.00	0	0.00	7	14.89	10				
13	17C1-CTM3	25		11	14	0	0.00	0	0.00	2	8.00	14	56.00	8	32.00	0	0.00	1	4.00	12				
CỘNG 13 Lớp		645	2	189	456	1	0.16	14	2.17	61	9.46	206	31.94	274	42.48	62	9.61	27	4.19	63				

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)				
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém						
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%					
Trung cấp																								
Ngành: Cắt gọt kim loại																								
1	15TCN-CKL	10		9	1	0	0.00	1	10.00	0	0.00	2	20.00	7	70.00	0	0.00	0	0.00	5				
2	16TCN-CKL	37	1	26	11	0	0.00	0	0.00	3	8.11	6	16.22	18	48.65	10	27.03	0	0.00	2				
3	17T4-CKL1	36		27	9	0	0.00	0	0.00	1	2.78	1	2.78	10	27.78	19	52.78	5	13.89	0				
CỘNG 03 LỚP		83	1	62	21	0	0.00	1	1.20	4	4.82	9	10.84	35	42.17	29	34.94	5	6.02	7				
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí																								
1	17T4-CCK1	52		42	10	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	3.85	20	38.46	25	48.08	5	9.62	0				
2	17T4-CCK2	50		37	13	0	0.00	0	0.00	1	2.00	23	46.00	23	46.00	2	4.00	1	2.00	0				
CỘNG 02 LỚP		102	0	79	23	0	0.00	0	0.00	1	0.98	25	24.51	43	42.16	27	26.47	6	5.88	0				
TỔNG CỘNG (34 LỚP)		1485	8	493	992	3	0.20	61	4.11	258	17.37	486	32.73	495	33.33	130	8.75	52	3.50	187				

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 1.672 HSSV. Trong đó có 187 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không nộp tờ đánh giá rèn luyện cá nhân

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV


Hoàng Ngọc Cảnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Đinh Hồng Minh